

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hải Ánh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH
HƯỚNG DƯƠNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hải Ánh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hải Ánh

Mã sinh viên:

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch
Hương Dương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương, sử dụng số liệu năm 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương
 - Địa chỉ : Số 8B lê 22 Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền – Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Hải Ánh

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	8
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	4
1.2.1. Nội dung công tác kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.....	4
1.2.2. Nội dung kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	12
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp.....	26
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung.....	27
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	27
1.3.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HƯỚNG DƯƠNG.	31
2.1 Khái quát chung về công ty Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	31
2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	31

2.1.3. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây	32
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	32
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	35
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	35
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	45
2.2.2: Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lí kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương	50
2.2.3: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	56
2.2.4: Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương	60
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ DU LỊCH HƯỚNG DƯƠNG.....	68
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	68
3.1.1 Ưu điểm.....	68
3.2: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	70
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76

DANH MỤC BIỂU

Biểu số 2.5.....	44
Biểu số 2.6: Phiếu kê toán	47
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632.....	49
Biểu số 9: Hóa đơn GTGT số 0006945	52
Biểu số 2.10: Phiếu chi 18/07.....	53

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý	8
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp	8
Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.	10
Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác	12
Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên.....	15
.....	16
Sơ đồ 1.7 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	18
Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính	20
Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác.....	21
Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22
Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	27
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	28
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....	30
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.....	33
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương.....	35

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu sự tác động của các quy luật: quy luật giá trị; quy luật cung cầu; quy luật cạnh tranh... Các doanh nghiệp luôn đương đầu với bài toán sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã phải đẹp mà giá sản phẩm thì phải rẻ, phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng mà vẫn đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Để đạt được điều đó doanh nghiệp cần phải tổ chức và quản lý tốt công tác hạch toán kế toán đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bởi nó cho ta biết quá trình tiêu thụ sản phẩm, chi phí trong quá trình kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp đạt được.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, sau một thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương, kết hợp với những kiến thức đã tích lũy được trên giảng đường cùng sự hướng dẫn của Th.s Nguyễn Văn Thụ, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương**". Ngoài phần mở đầu và kết luận nội dung bài khóa luận của em gồm 03 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương.

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để hoàn thiện bài khóa luận của mình hơn.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng với nhà quản lý doanh nghiệp mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

✓ Đối với doanh nghiệp:

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

✓ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

✓ Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

✓ Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

✓ Đối với các trung gian tài chính:

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

✓ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

✓ Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám

độc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

✓ Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

✓ Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

❖ **Nhiệm vụ của kế toán chi phí**

✓ Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

✓ Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

✓ Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

❖ **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**

✓ Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kì.

✓ Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

✓ Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Nội dung công tác kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ **Doanh thu** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh

thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có).

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu

✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

✓ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

✓ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phân hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

✓ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

✓ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

✓ Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- ✓ Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- ✓ Bảng kê hàng gửi bán đã tiêu thụ, phiếu xuất kho, chứng từ chuyển hàng
- ✓ Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

Số thuế TTĐB hoặc thuế XK phải nộp; số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Doanh thu hàng bán trả lại kết chuyển cuối kỳ.

Các khoản chiết khấu thương mại; Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

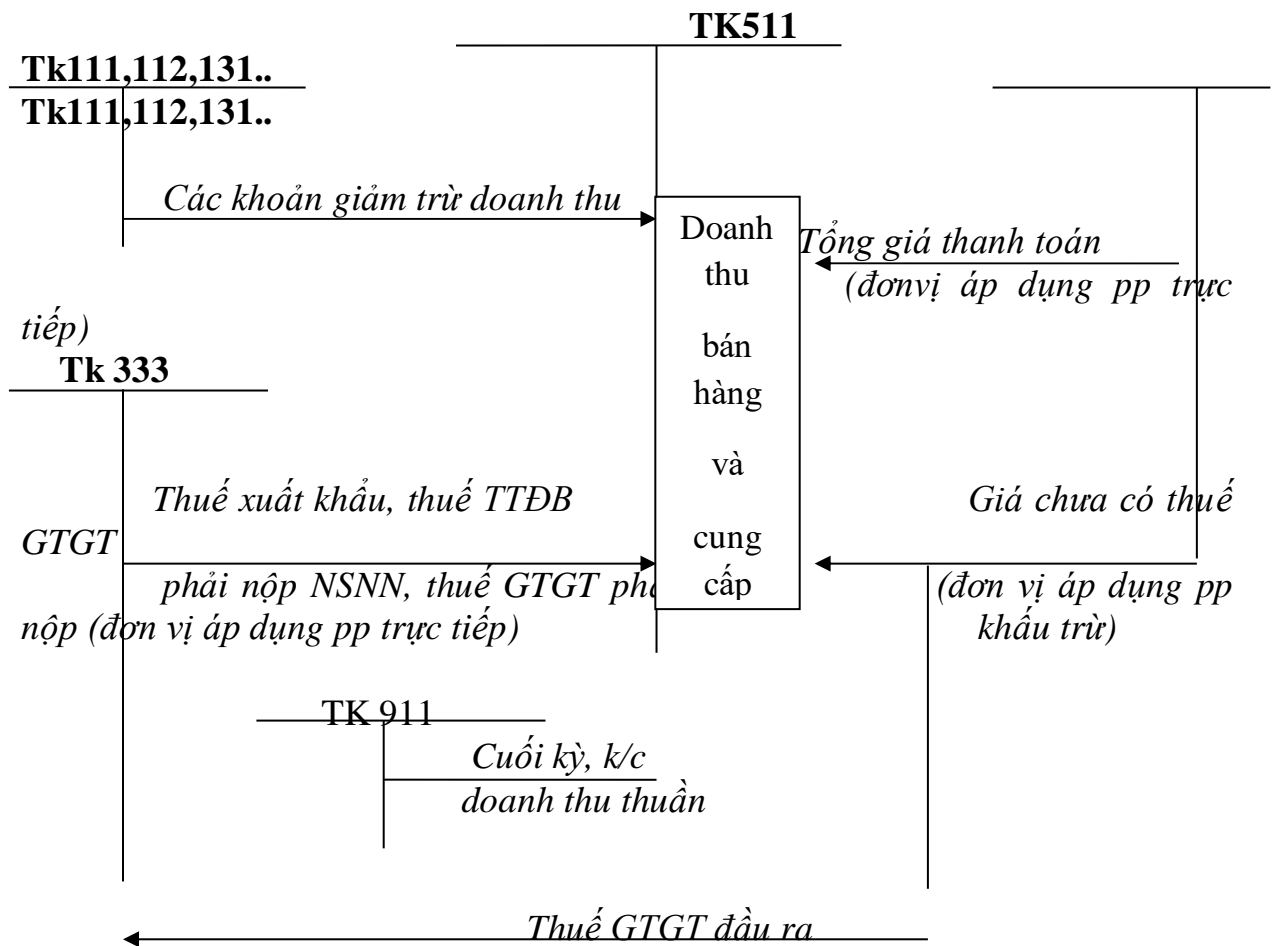
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ:

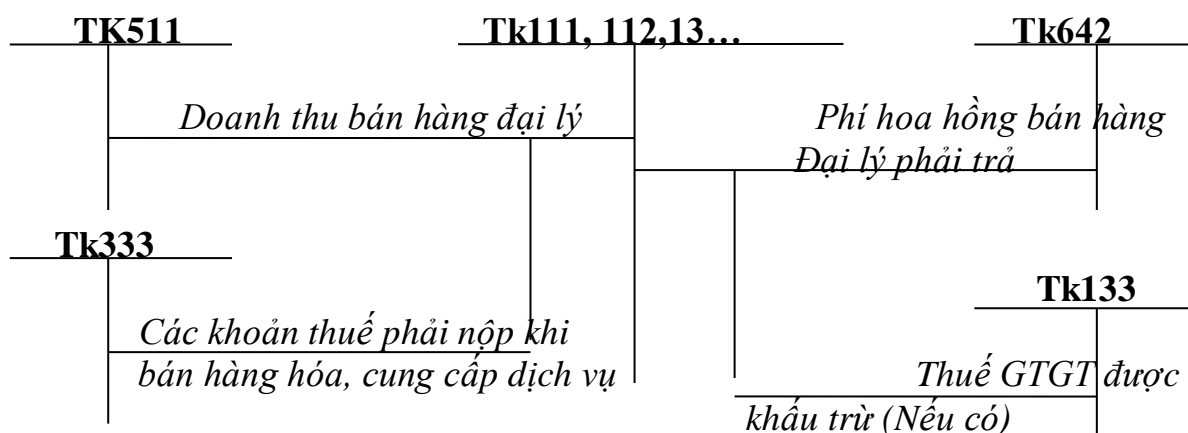
TK 511 gồm các tài khoản cấp 2:

- ✓ TK 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- ✓ TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- ✓ TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ TK 5118 – Doanh thu khác

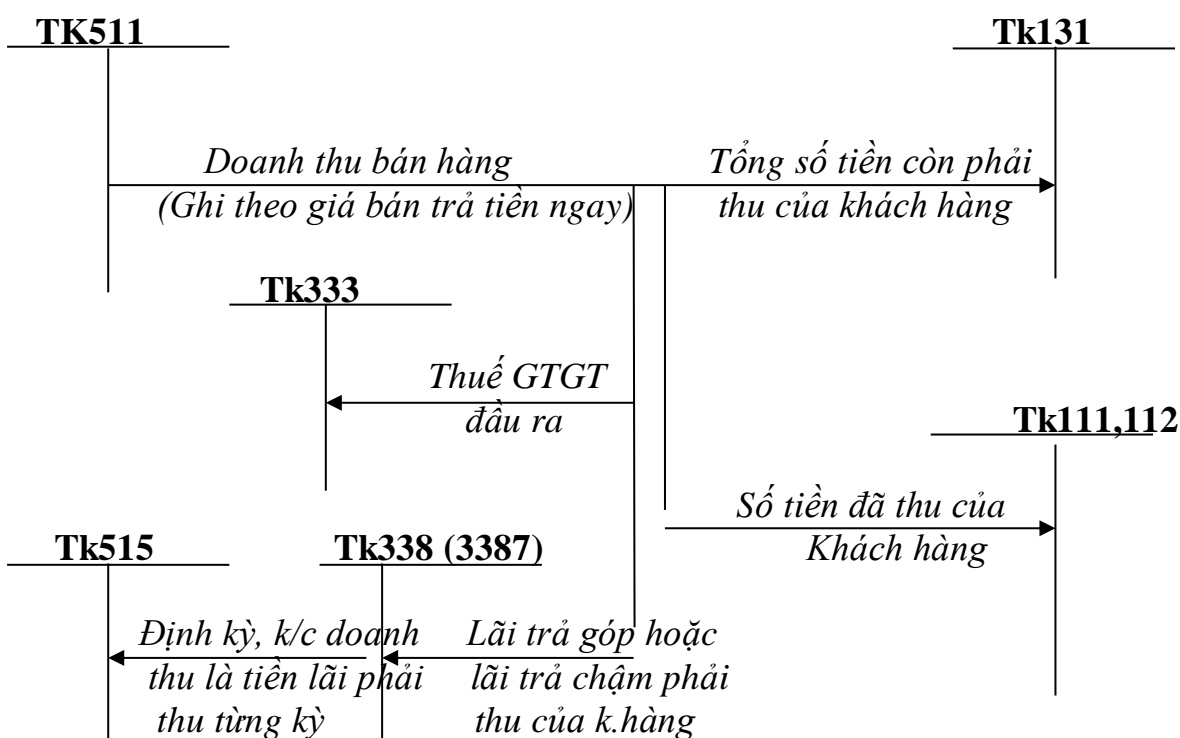
❖ **Phương pháp hoạch toán**



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp

1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ:

Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên Có:

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;

Chiết khấu thanh toán được hưởng;

Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;

Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;

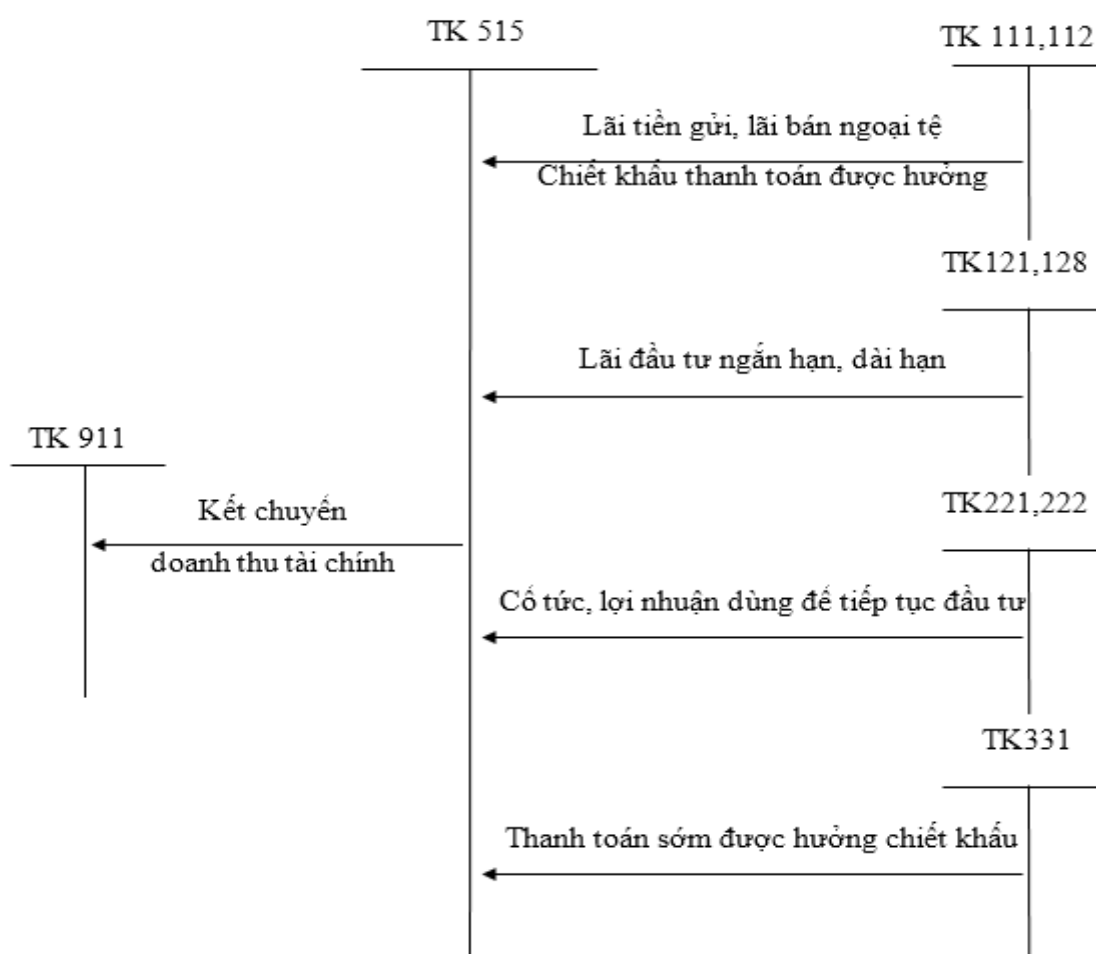
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp:

Thu nhập khác: Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- ✓ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- ✓ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- ✓ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- ✓ Thu các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- ✓ Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- ✓ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- ✓ Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng

✓ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

✓ Hóa đơn giá trị gia tăng

✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có.....

✓ Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ, biên bản góp vốn kinh doanh...

✓ Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 711 “Thu nhập khác”- Dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp(Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng...)

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ:

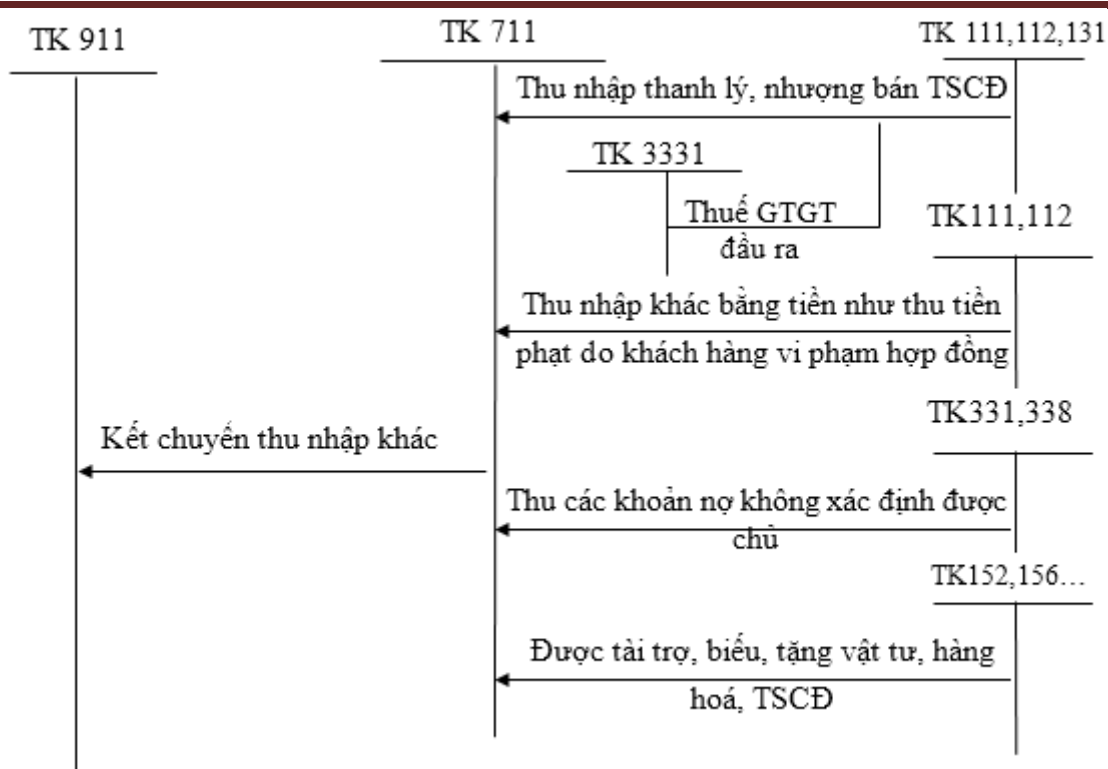
Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác

1.2.2. Nội dung kế toán chi phí trong doanh nghiệp.

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hóa mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng :

- Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+) *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của

Đơn giá xuất kho =
$$\frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$
 doanh nghiệp.

+) *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

Đơn giá xuất kho =
$$\frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh

thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 632 “ Giá vốn hàng bán”** dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa;...

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;
- + Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

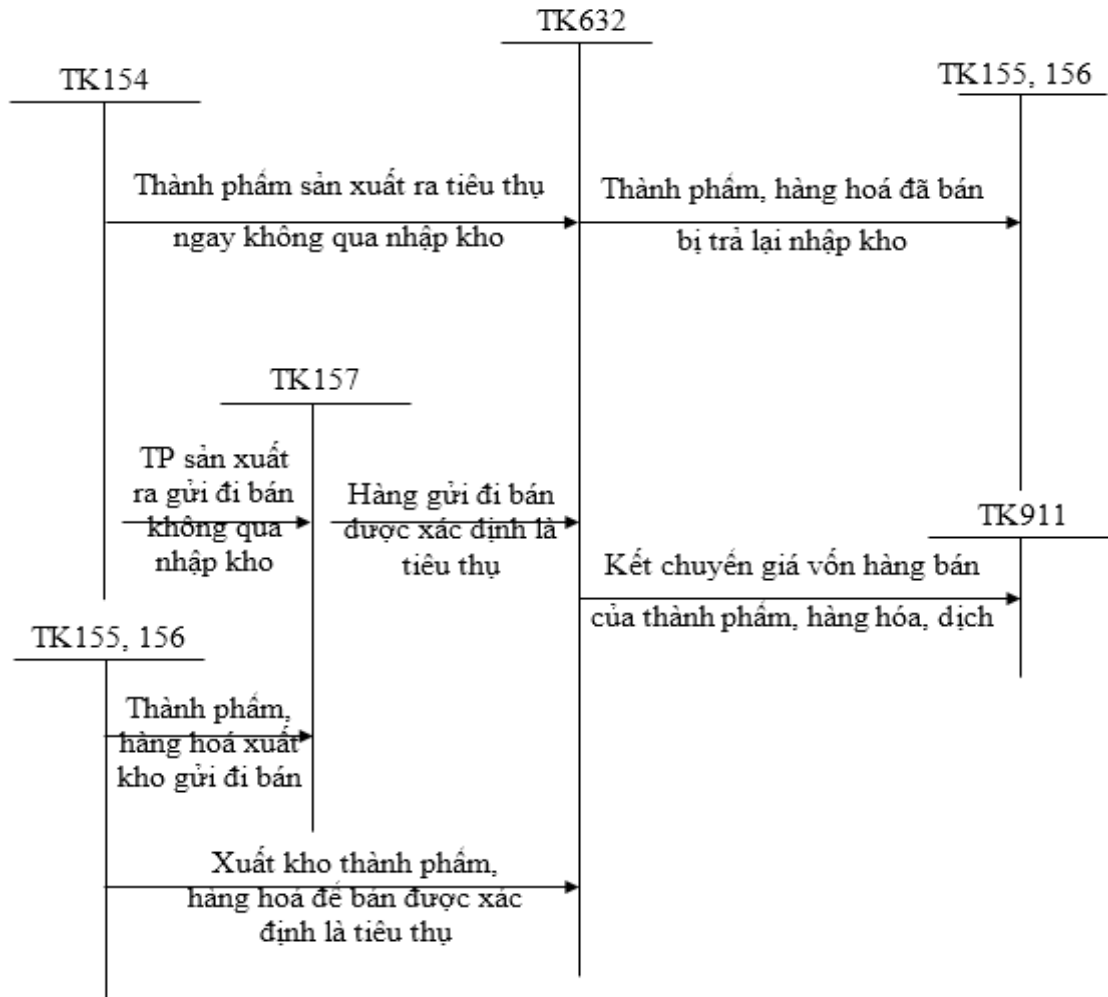
Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản

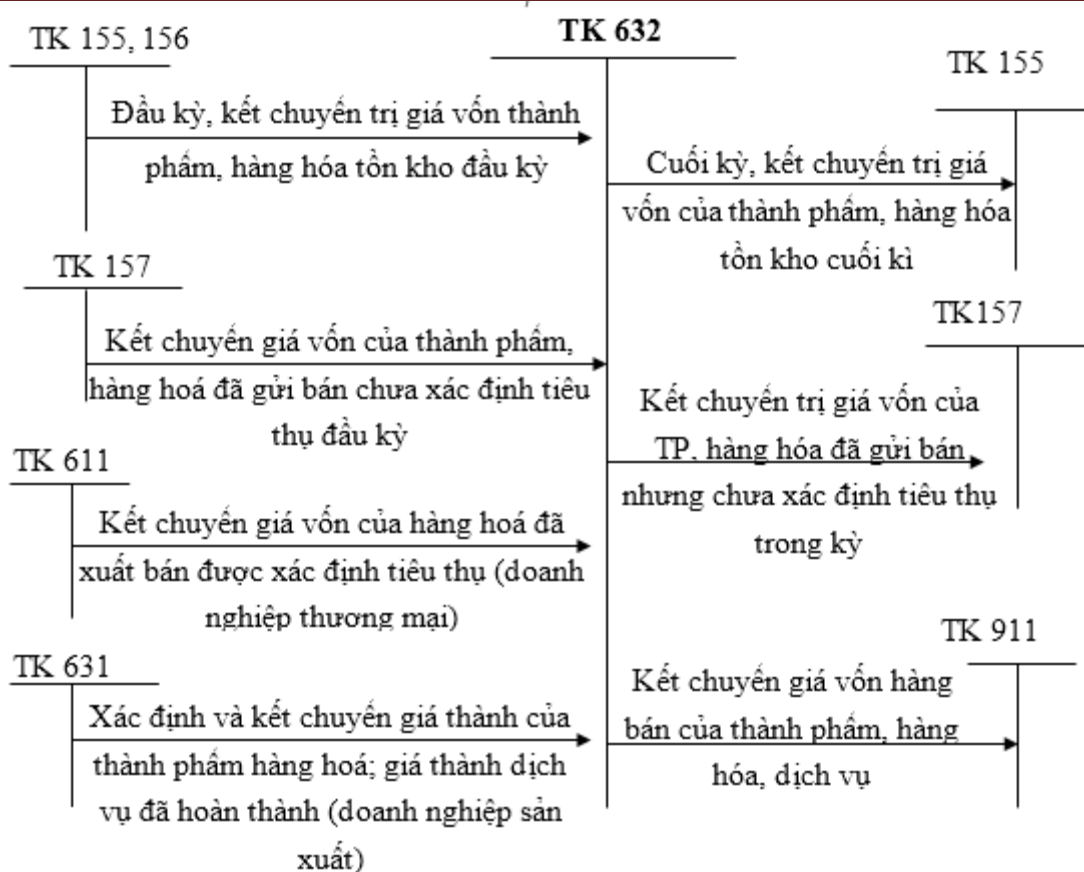
911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

1.2.2.2. *Kế toán chi phí quản lý kinh doanh*

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh được chia thành:

+ **Chi phí bán hàng**: là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu bao bì; Chi phí dụng cụ bao bì; Chi phí dụng cụ đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ;...

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**: là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên: bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, tiền điện nước, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị....)

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- ✓ Các chứng từ gốc có liên quan: Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ **Tài khoản sử dụng: TK642 “Chi phí quản lý kinh doanh”** - Dùng để phản ánh các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

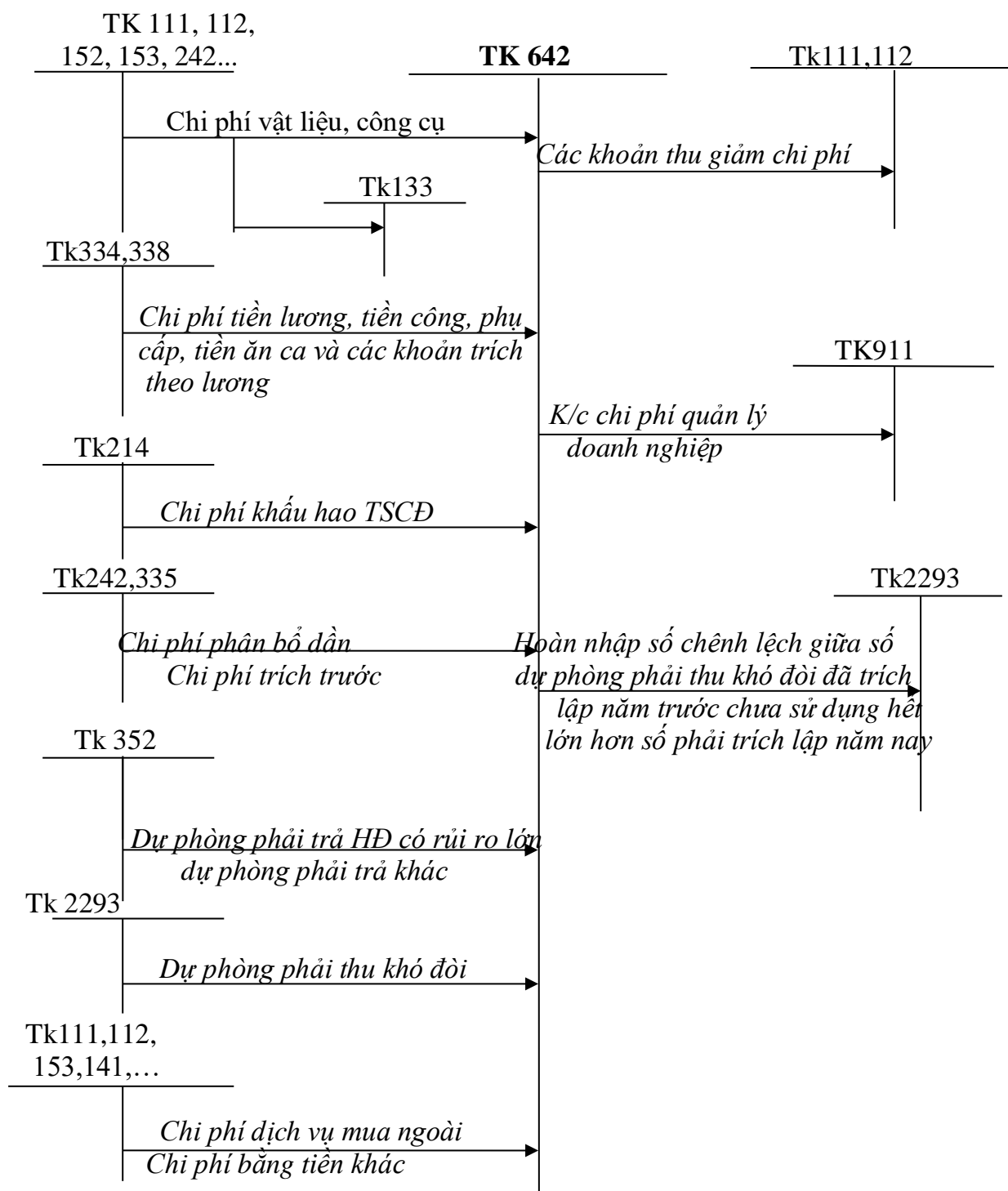
Nợ	TK642	Có
-Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.	-Các tài khoản ghi giảm chi phí kinh doanh. -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. -Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "xác định kết quả kinh doanh".	
Tổng SPS tăng		Tổng SPS giảm

Tài khoản 642 không có số dư.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí bán hàng
- TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Giấy báo Nợ của Ngân hàng;

+ Hóa đơn GTGT;

+ Phiếu kế toán;

+ Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;

Chiết khấu thanh toán cho người mua;

Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;

Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ bán ngoại tệ;

Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

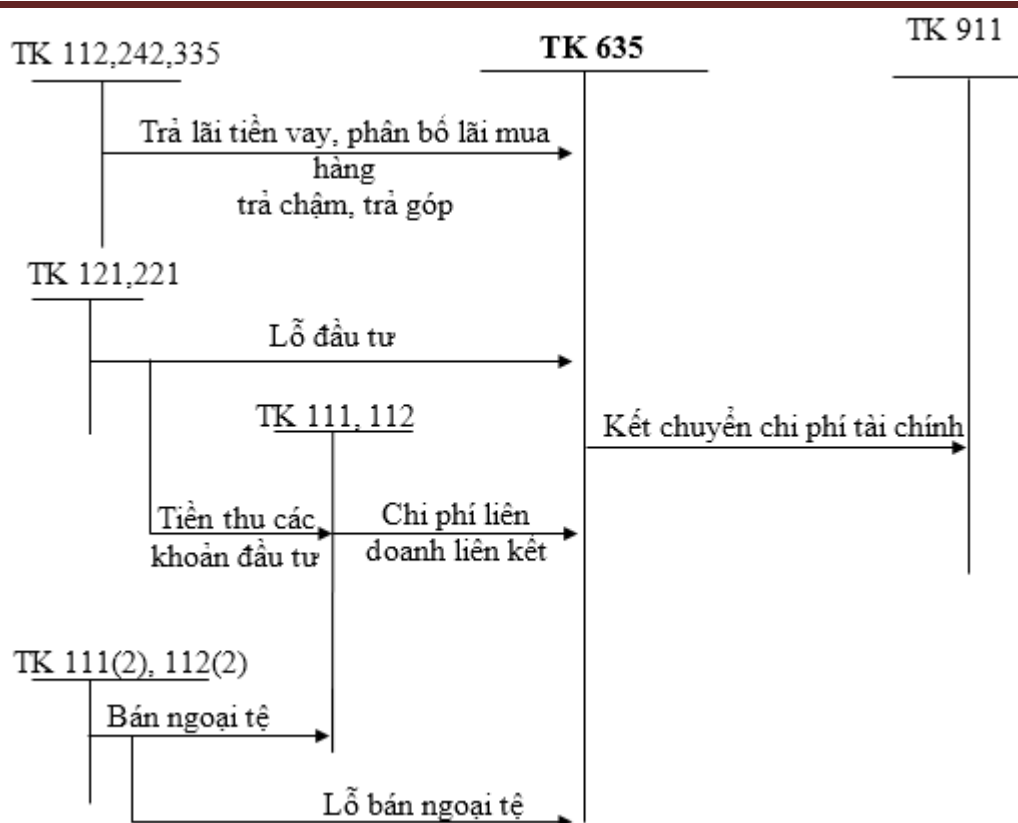
Bên Có:

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.2.4. Kế toán chi phí hoạt động khác:

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *Kết cấu của TK 811*

Bên Nợ:

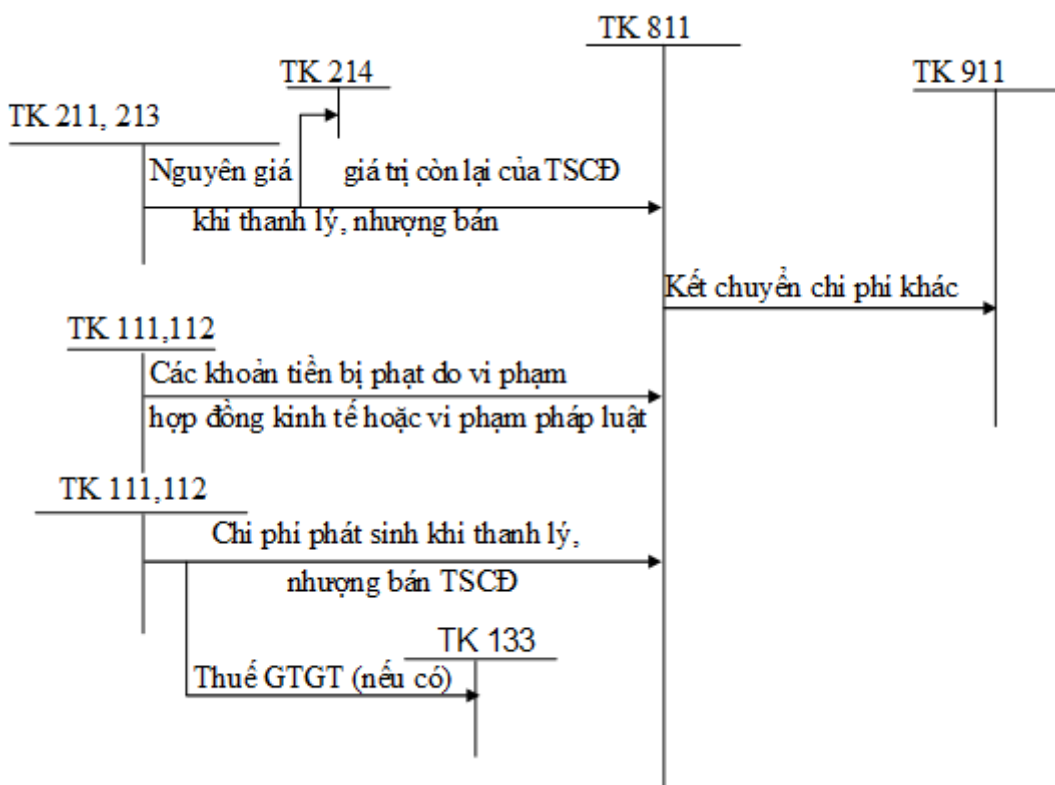
Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác

1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ **Khái niệm:** là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp.

❖ **Tài khoản sử dụng: TK821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”:** Dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

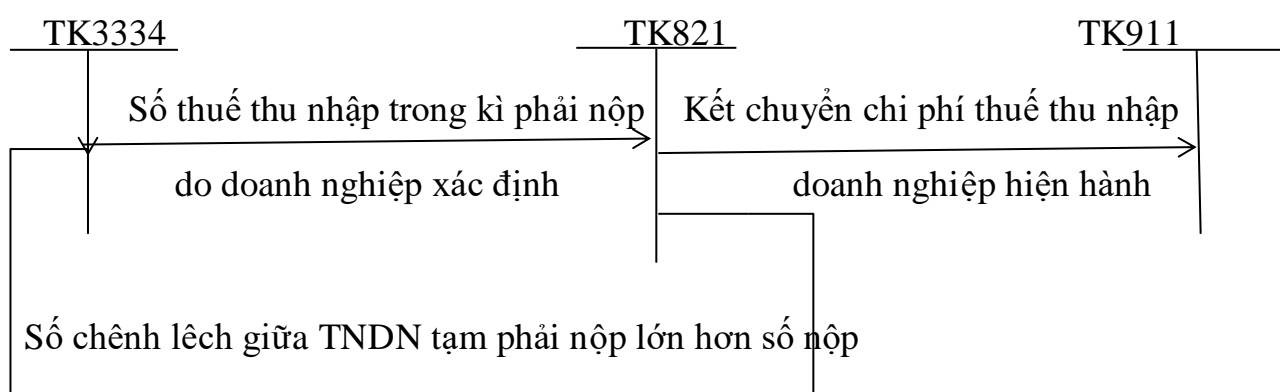
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Tờ khai thuế GTGT, bảng khai thuế TNDN
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Phương thức hạch toán**



Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Lợi nhuận} & \text{Doanh thu} & \\
 \text{thuần từ hoạt} & \text{bán hàng} & \text{Các khoản} & \text{Chi phí} \\
 \text{động sản xuất} & \text{và cung cấp} & \text{Giá vốn} & \\
 \text{kinh doanh} & \text{dịch vụ} & \text{hàng bán} & \text{quản lý} \\
 & & \text{doanh thu} & \text{kinh doanh}
 \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Tổng lợi nhuận} & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & \text{Lợi nhuận} \\
 \text{kế toán trước thuế} & \text{động SXKD} & \text{động tài chính} & \text{khác}
 \end{array}$$

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Thuế TNDN phải nộp} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\
 & & \text{trước thuế} \\
 & & \text{x Thuế suất thuế TNDN}
 \end{array}$$

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Lợi nhuận sau} & \text{Tổng lợi nhuận} & \\
 \text{thuế TNDN} & \text{kế toán trước thuế} & \text{- Thuế TNDN phải nộp}
 \end{array}$$

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”:** Dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.
- ✓ **Tài khoản 421 “ Lợi nhuận chưa phân phối”:** Dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

TK421 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

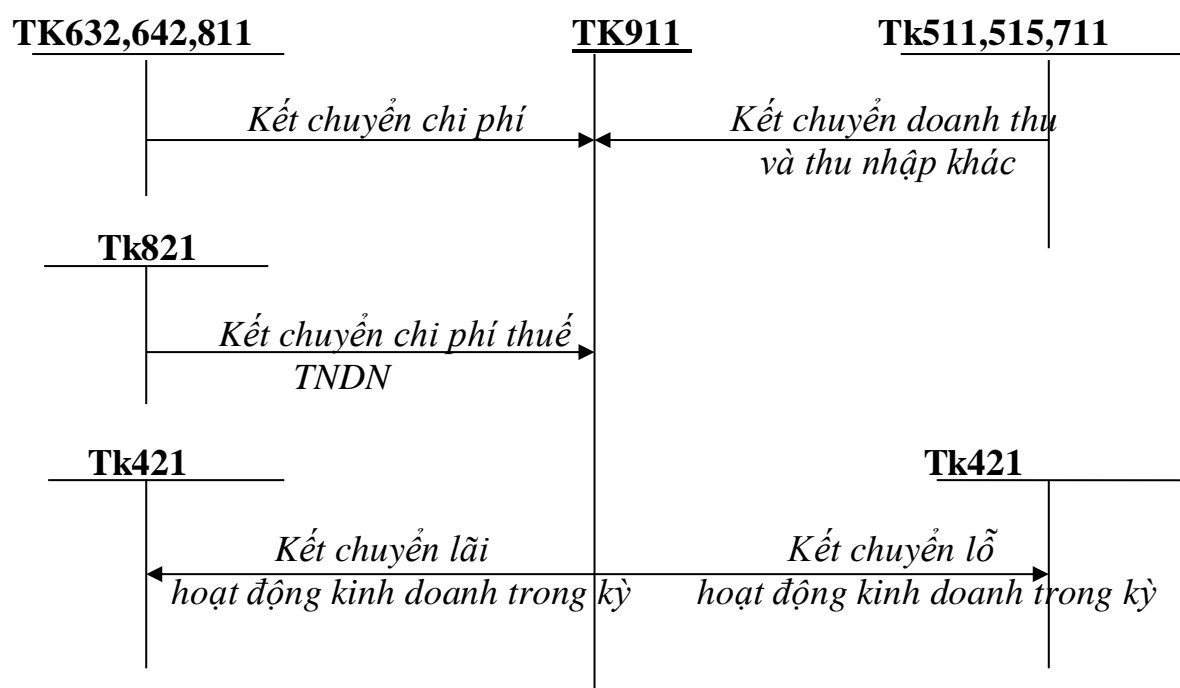
❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư.

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. -Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. -Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. -Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. -Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> -Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. -Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù. -Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	

Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý	Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

Phương pháp hạch toán:**Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả kinh doanh****1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp**

Theo khoản 1 phụ lục 4 thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính (thay thế QĐ 48/2006), hình thức sổ kế toán bao gồm các hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

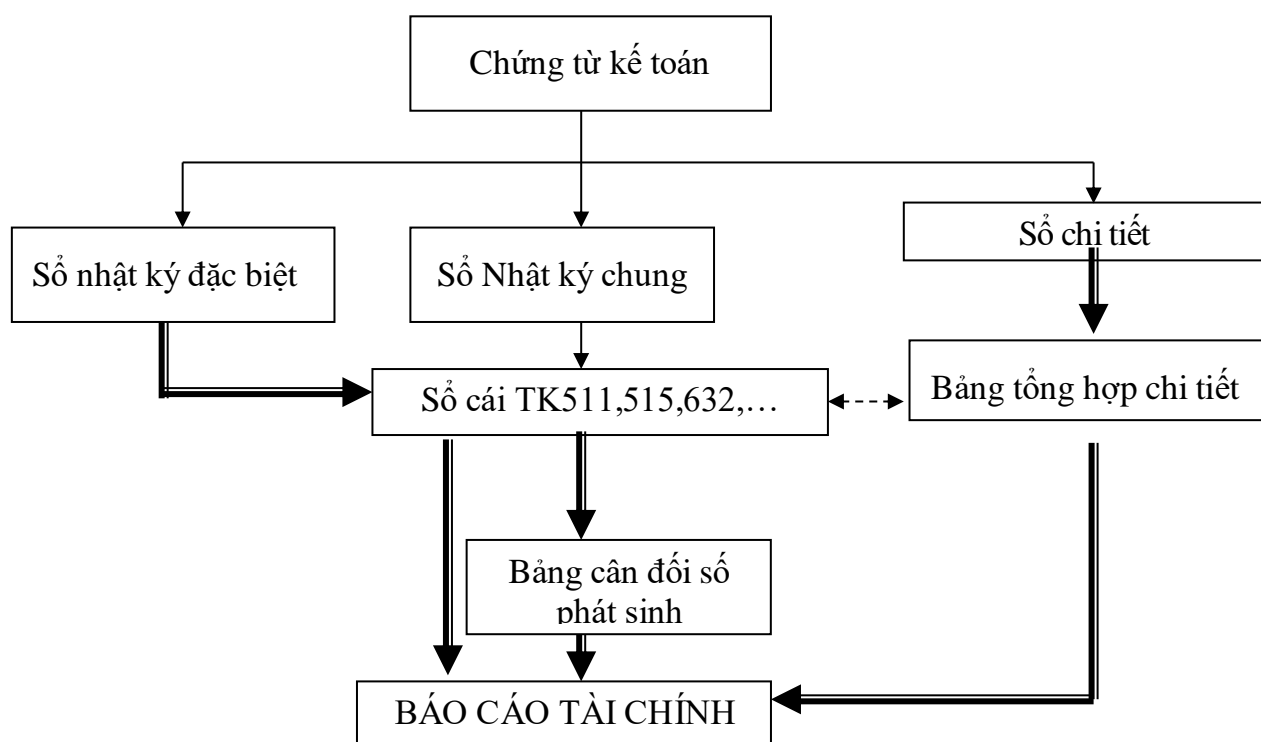
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - > Đối chiếu

Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

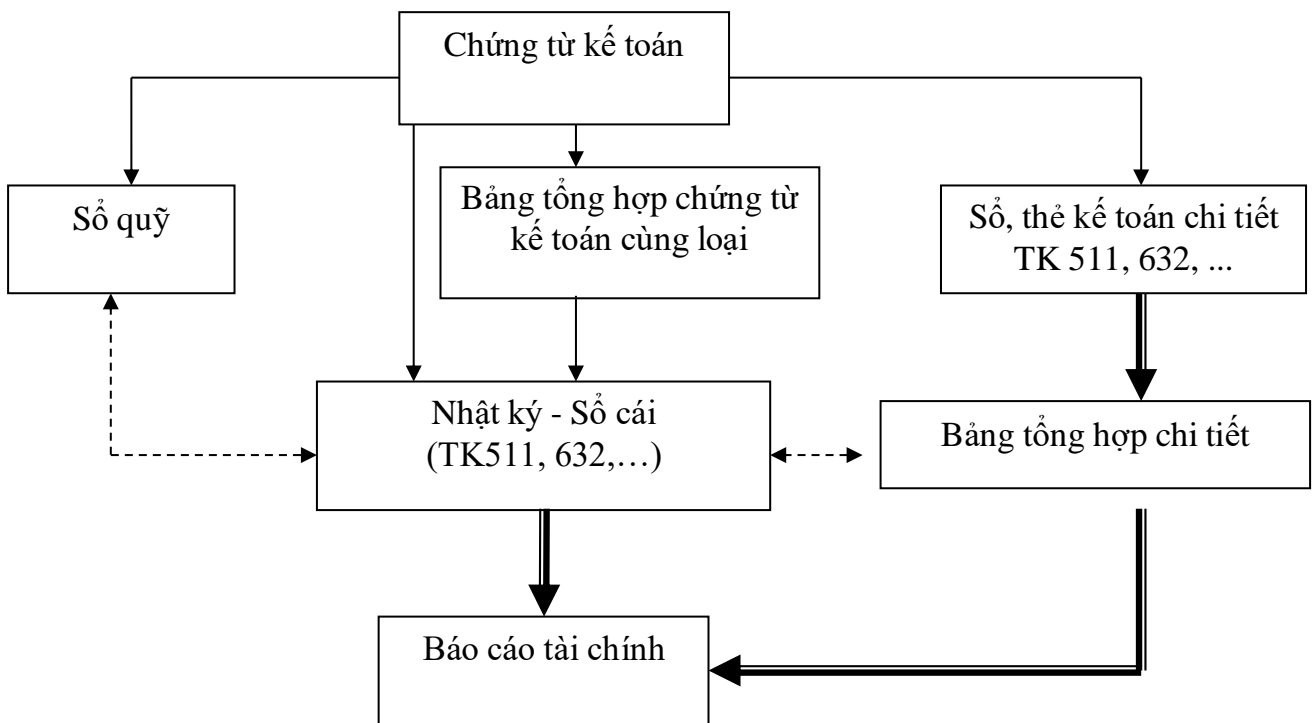
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được

phản ánh trên Nhật ký số cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - .-.-.-> Đối chiếu

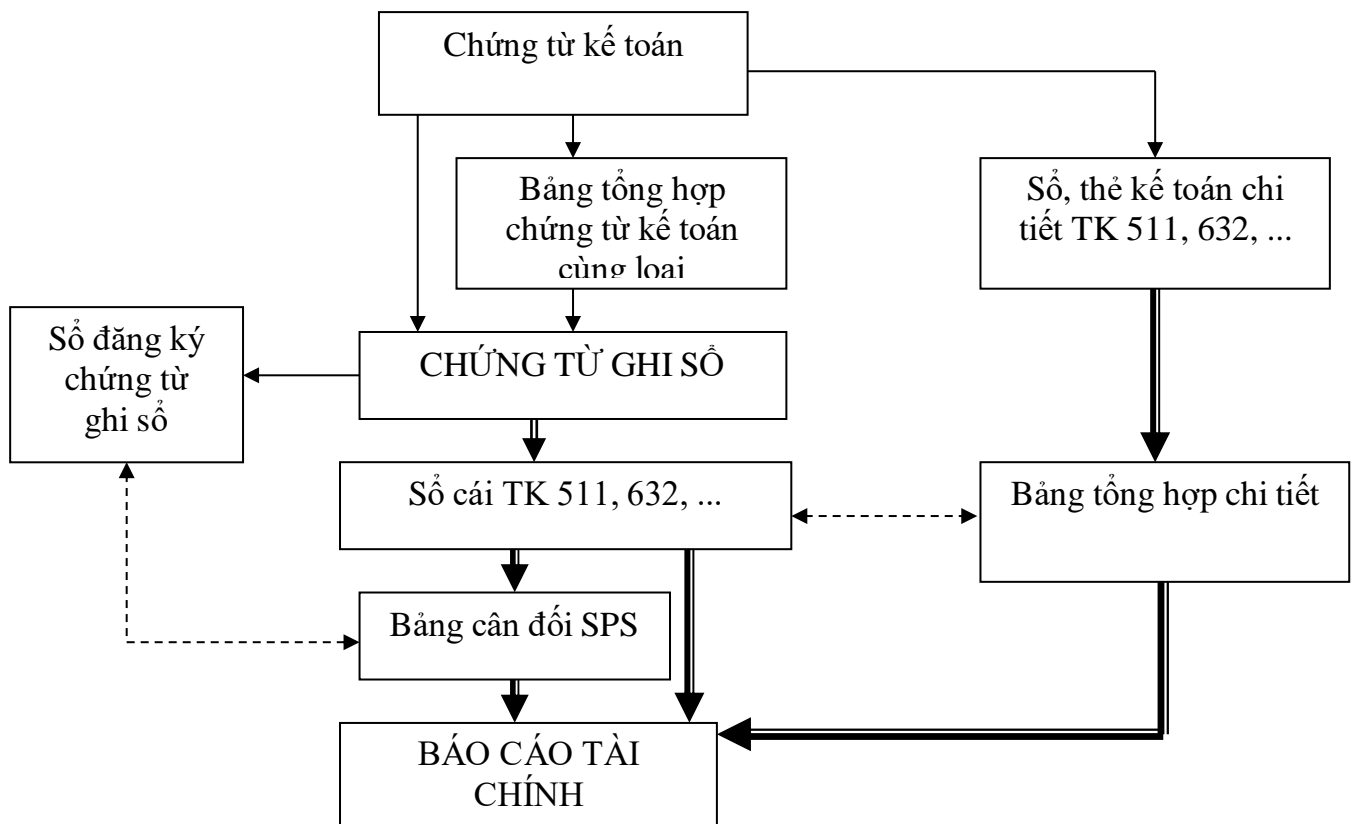
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.3.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú: —————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HƯỚNG DƯƠNG.****2.1 Khái quát chung về công ty Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương**

Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương là công ty chuyên có trụ sở tại Số 8B Lê 22 Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền – Hải Phòng.

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Ngày thành lập: 12-03-2007

Mã số thuế: 0200731981

Vốn điều lệ: 6.000.000.000

Kể từ khi được thành lập vào năm 2007 cho đến nay, những năm đầu bước vào hoạt động công ty gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của Ban Giám Đốc đưa ra nhưng chiến lược và hướng đi đúng công ty đã từng bước phát triển và khẳng định trên con đường đi riêng của mình.

Công ty chuyên nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên đầy kinh nghiệm, luôn nỗ lực vì công việc, có tinh thần trách nhiệm cao.

+ Hiện nay Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương là một trong các nhà kinh doanh du lịch hàng đầu trên phạm vi Hải Phòng, với hệ thống quan hệ đối tác chặt chẽ với hơn 15 công ty, đại lý du lịch khác.

- Khó khăn:

Trong quá trình hoạt động công ty cũng gặp không ít khó khăn như việc cạnh tranh với các công ty có cùng mô hình kinh doanh. Hay sự vất vả trong việc tìm các đối tác kết hợp.

2.1.3. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây

Trong quá trình hình thành và phát triển công ty đã đạt được những kết quả nhất định về quản lý và kinh doanh. Công ty được Tổng cục Du Lịch Việt Nam và Hiệp hội Du Lịch Việt Nam bình chọn đạt danh hiệu “ Công ty chất lượng cao”.

Giá cả phải chăng, an toàn thực phẩm cho khách hàng.

Công ty luôn hoàn thành kế hoạch và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng và nhiệm vụ của từng phòng ban

Ban Giám đốc: là người lãnh đạo cao nhất, điều hành quản lý chung, chỉ đạo các mặt kế hoạch, tiêu thụ sản phẩm, tổ chức lao động toàn công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động, kết quả kinh doanh của công ty.

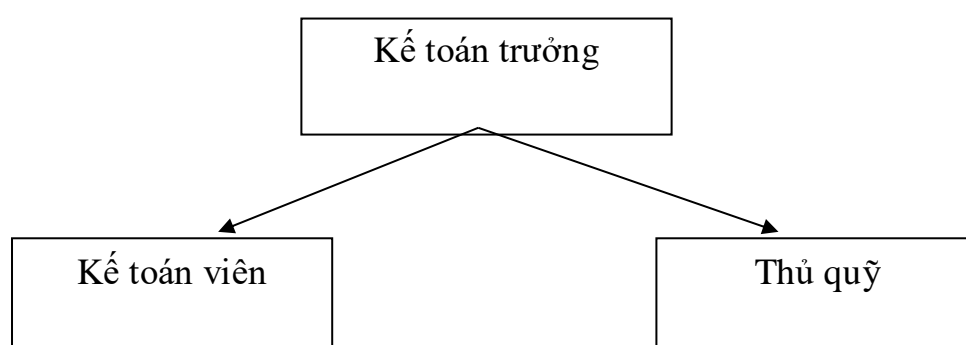
Phòng Kinh doanh: chịu trách nhiệm tìm kiếm và liên hệ với các đối tác, tiếp thị, công tác kế hoạch hóa...

Phòng Kế Toán: là phòng ban tham mưu cho giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán. Đảm bảo phản ánh kịp thời chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và quản lý chung bảng lương cho toàn công ty

Các phòng ban chức năng đều có quan hệ chặt chẽ, cung cấp số liệu cho nhau nhằm đạt được mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán

Kế toán trưởng

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty. Lập Báo cáo tài chính

- Theo dõi doanh thu của hoạt động vận tải và các dịch vụ đi kèm, xác định giá vốn hoạt động vận tải và xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ.

Kế toán viên:

- Thực hiện các bút toán đầu năm tài chính như: kết chuyển lãi lỗ năm tài chính cũ. Hạch toán chi phí thuế môn bài năm tài chính mới. Tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công việc của kế toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các hoạt động của Doanh nghiệp.

- Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định, thanh toán số lương phải trả cho từng người theo quy định.

- Nhận hợp đồng kinh tế của các bộ phận. Kiểm tra nội dung, các điều khoản trong hợp đồng có liên quan đến điều khoản thanh toán.

Thủ quỹ

- Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi do kế toán tiền mặt đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phần thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi với kế toán tiền mặt.

- Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

2.1.6.2. Hình thức kế toán, chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo TT133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

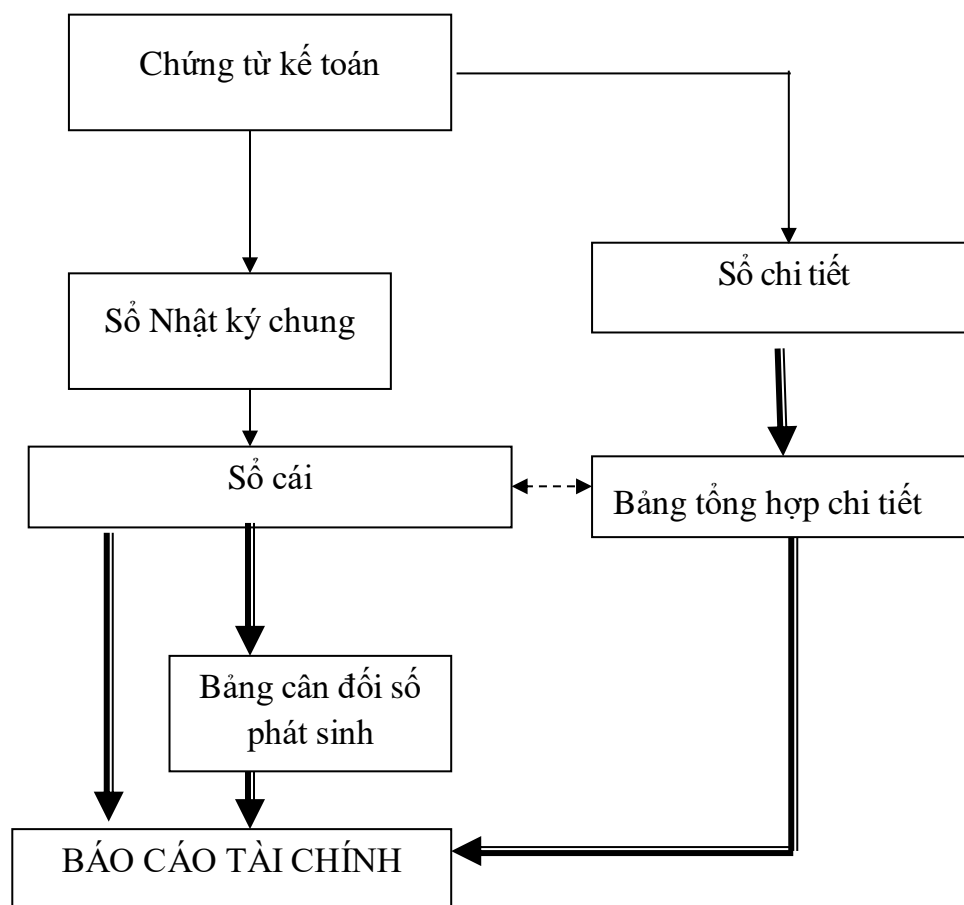
- Phương pháp khấu hao TSCD: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng

- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp Bình quân gia quyền

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

- Công ty sử dụng VND là loại tiền chính để hạch toán.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- > Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty HNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng là tổng các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Doanh thu bán hàng của công ty chủ yếu là các loại dịch vụ ăn uống tiếp khách.

+ Chứng từ sử dụng

Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương sử dụng các chứng từ có liên quan đến bán hàng theo quy định của Bộ tài chính.

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT-3LL)
- Phiếu thu (Mẫu số 01- TT)
- Giấy báo có.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Các chứng từ có liên quan khác.

+ Tài khoản sử dụng

Để tổ kế toán doanh thu bán hàng, Công ty sử dụng TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản án số tiền thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Các tài khoản chi tiết Công ty mở như sau:

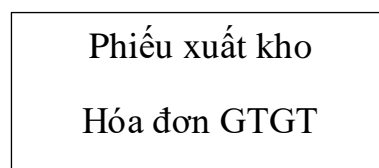
Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kế toán căn cứ vào hợp đồng kinh tế, viết Phiếu thu để thu các khoản tiền được thanh toán theo đúng quy định. Nếu khách hàng chuyển tiền qua ngân hàng thì kế toán tiền gửi ngân hàng có trách nhiệm theo dõi và nhận các chứng từ từ ngân hàng. Sau khi khách hàng thanh toán các khoản tiền hàng theo thoả thuận, kế toán sẽ viết Hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Hóa đơn GTGT chia làm 3 liên:

- ✓ Liên 1: lưu vào sổ gốc
- ✓ Liên 2: giao cho khách hàng
- ✓ Liên 3: Dùng để hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương.



Ghi hàng ngày : 

Ghi định kỳ : 

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Ví dụ minh họa 1: Ngày 4/12/2017 công ty TNHH Tuấn tú chưa thanh toán dịch vụ ăn uống số tiền 9.900.000 (cả VAT 10%) theo HĐ số 000982

ĐỊNH KHOẢN

NỢ 111: 9.900.000

CÓ 511: 9.000.000

CÓ 3331: 900.000

Căn cứ vào hóa đơn số 000982 Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung.
Từ sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511

Biểu số: 2.1**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**Mẫu
số:01GTKT3/002

Liên 3 : Nội bộ

Ký hiệu: TH/17P

Số: 0000982

Ngày 04 tháng 12 năm 2017Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TNHH Phát Triển Dịch Vụ Du Lịch Hương
DươngĐịa chỉ: Số 8B lê 22 Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền –
Hải Phòng

Mã số thuế 0200731981

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Tú

Địa chỉ: 921 Đại lộ Tôn Đức Thắng- Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng- Hải
Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM/CK.....Mã số

0	2	0	0	6	7	2	7	5	3			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	
01	Dịch vụ ăn uống				9.000.000
Cộng tiền hàng:					9.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 900.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.900.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số : 2.2

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Số 805

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Tiến Dũng

Địa chỉ: Công ty TNHH Tuấn Tú

Lý do nộp: Thanh toán tiền ăn uống

Số tiền: 9.900.000

(Viết bằng chữ; Chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Nghiệp vụ 2: ngày 15/12/2017 công ty Lưu Gia tiếp khách ăn uống số tiền 10.500.000 đồng (cả VAT 10%), chưa thanh toán

Định Khoản:

Nợ 131: 10.500.000

Có 511: 9.545.455

Có 3331: 945.545

Biểu số: 2.3

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫusố:01GTKT3/002

Ký hiệu: TH/17P

Liên 3 : Nội bộ

Số: 0001002

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TNHH Phát Triển Dịch Vụ Du Lịch Hướng Dương

Địa chỉ: Số 8B lê 22 Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền – Hải Phòng

Mã số thuế 0200731981

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Lưu Gia

Địa chỉ: 321 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM/CK.....Mã số

0	2	0	1	7	3	3	6	9	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	
01	Dịch vụ ăn uống				9.545.455
Cộng tiền hàng:					9.545.455
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 954.545
Tổng cộng tiền thanh toán					10.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ)

Biểu số 2.4

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
		...			
PC 18/07	07/07	Trả tiền điện thoại	642	2.315.400	
			133	231.540	
			111		2.546.940
		..			
GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112	625.450	
			515		625.450
		..			
HĐ982 PT805	04/12	Công ty Tuần Tú thanh toán	111	9.900.000	
			511		9.000.000
			3331		900.000
		...			
HĐ1002	15/12	Phải thu công ty Lưu Gia	131	10.500.000	
			511		9.545.455
			3331		954.545
		...			
PKT 27	31/12	Giá vốn năm 2017	632	8.097.504.913	
			154		8.097.504.913
		...			
		<u>Công phát sinh</u>		<u>76.651.762.232</u>	<u>76.651.762.232</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 03b – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 511
NĂM 2017

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số Tiền	
Số	Ngày			N Ợ	C Ó
		<u>Số phát sinh</u>			
		...			
HĐ653	24/09	Thu tiền hàng công ty Ngọc Lan	131		3.569.235
		...			
HĐ982 PT805	04/12	Công ty Tuần Tú thanh toán	111		9.000.000
				
HĐ1002	15/12	Phải thu tiền hàng công ty Lưu Gia	131		9.545.455
				
PKT29	31/12	Kết chuyển DT 2017	911	9.862.965.758	
		<u>Công</u>		<u>9.862.965.758</u>	<u>9.862.965.758</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

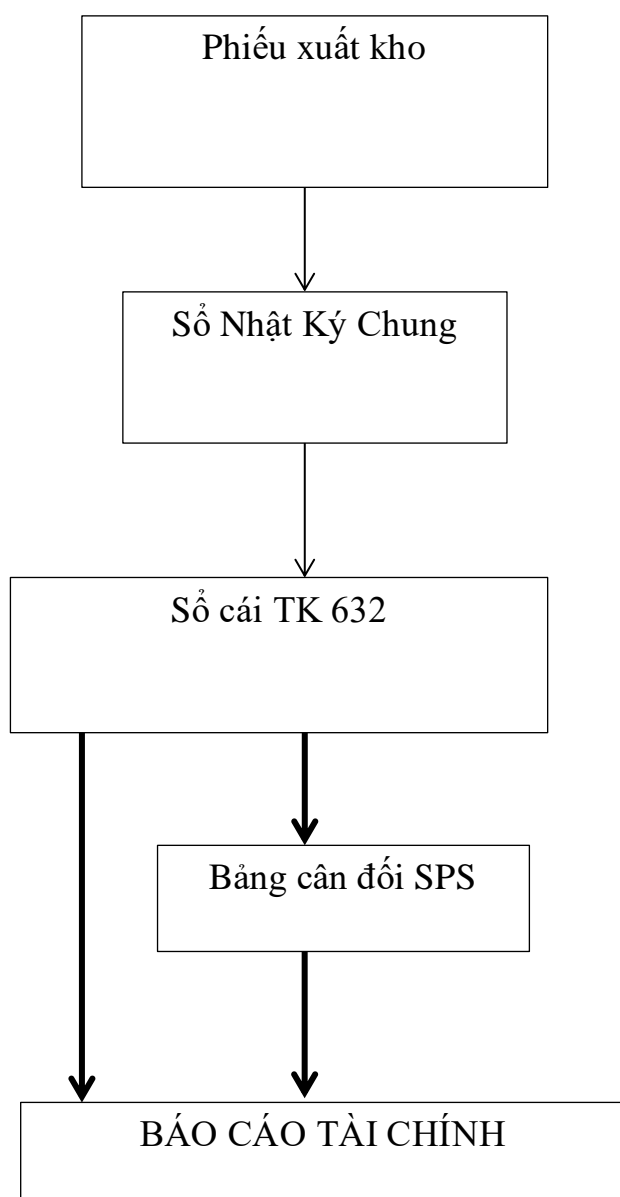
(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Chứng từ và tài khoản sử dụng .

- Chứng từ kế toán sử dụng :
 - + Phiếu kê xuất kho
 - + Các chứng từ khác có liên quan
 - + Tài khoản sử dụng :
 - + Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán
 - + Tài khoản 156: Hàng hóa.

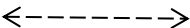
Quy trình giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch
Hương Dương



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

Chi phí phát sinh trong năm 2017, được tập hợp vào TK154:

Chi phí nguyên vật liệu gồm những nguyên vật liệu phục vụ cho kinh doanh nhà hàng như: Mực, tôm, cá hồi, ... phục vụ khách ăn được tập hợp vào TK 1541 năm 2017: 4.048.752.457 đồng.

Chi phí nhân công bao gồm tiền lương, khoản trích theo lương được tập hợp vào TK 1542 với số tiền: 2.429.251.474 đồng

Chi phí sản xuất chung năm 2017 bao gồm các khoản chi phí khấu hao, chi phí công cụ dụng cụ 1.619.500.983 đồng.

Tổng chi phí phát sinh năm 2017 là: 8.097.504.913 đồng.

Cuối kì, kế toán căn cứ vào số liệu phát sinh lập phiếu KT phản ánh giá vốn năm 2017.

Biểu số 2.6: Phiếu kế toán

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 27

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/7	Giá vốn cả năm 2017	632	154	8.097.504.913
		Cộng			

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.7: Nhật ký chung

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
		...			
PC 18/07	07/07	Trả tiền điện thoại	642	2.315.400	
			133	231.540	
			111		2.546.940
		..			
GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112	625.450	
			515		625.450
		..			
HĐ982 PT805	04/12	Công ty Tuấn Tú thanh toán	111	9.900.000	
			511		9.000.000
			3331		900.000
		...			
HĐ995	15/12	Phải thu công ty Lưu Gia	131	10.500.000	
			511		9.545.455
			3331		954.545
		...			
PKT 27	31/12	Giá vốn năm 2017	632	8.097.504.913	
			154		8.097.504.913
		...			
		<u>Cộng phát sinh</u>		<u>76.651.762.232</u>	<u>76.651.762.232</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số: 03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số phát sinh			
PKT 27	31/12	Giá vốn năm 2017	154	8.097.504.913	
PKT 32	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		8.097.504.913
		Cộng số phát sinh		8.097.504.913	8.097.504.913

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2: *Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển và dịch vụ du lịch Hướng Dương*

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương

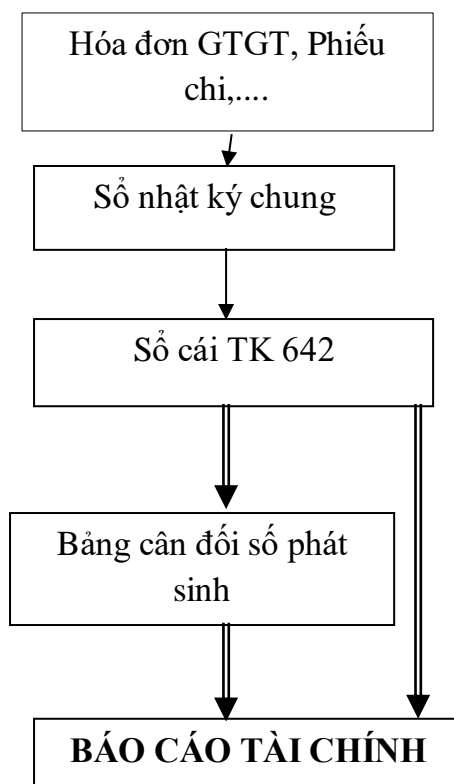
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

c. Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

d. Phương pháp hạch toán:



Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Sơ đồ: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Ví dụ: Ngày 07/07/2017 Thanh toán tiền điện thoại phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0006945 và phiếu chi kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung

Nợ TK 642: 2.315.400

Nợ TK 133 : 231.540

Có TK 1111: 2.546.940

Biểu số 9: Hóa đơn GTGT số 0006945

Fpt Telecom

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN
THÔNG (GTGT)**

Mẫu số:
01GTKT0/001

Viễn thông thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0106869738-056

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng

Tên kh: Cty TNHH phát triển dịch vụ du lịch HUỐNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8B lê 22 Lê Hồng Phong, P Đông Khê , Q Ngô Quyền –Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST0201004290

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	CUOC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TP.HN TRA CUOC THANG 7/2017				2.315.400
<i>Cộng tiền dịch vụ(1)</i>					2.315.400
<i>Thuế suất GTGT 10%</i>		<i>Tiền thuế GTGT (2)</i>			231.540
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)</i>					2.546.940

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

Người nộp tiền ký
(Ký, họ tên)

Nhân viên giao dịch
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Phiếu chi 18/07

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
*(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)*

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 07 năm 2017

Số: 18/07

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Công ty Viễn thông VNPT

Lý do chi: Trả tiền hóa đơn số 0006945

Số tiền: 2.546.940 đồng

(Viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 07 năm 2017

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
------------------------------------	------------------------------------	-------------------------	-----------------------------------	--------------------------

Biểu số 2.11: Nhật kí chung

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
		...			
PC 18/07	07/07	Trả tiền điện thoại	642	2.315.400	
			133	231.540	
			111		2.546.940
		..			
GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112	625.450	
			515		625.450
		..			
HĐ982 PT805	04/12	Công ty Tuấn Tú thanh toán	111	9.900.000	
			511		9.000.000
			3331		900.000
		...			
HĐ995	15/12	Phải thu công ty Lưu Gia	131	10.500.000	
			511		9.545.455
			3331		954.545
		...			
PKT 27	31/12	Giá vốn năm 2017	632	8.097.504.913	
			154		8.097.504.913
		...			
		<u>Cộng phát sinh</u>		<u>76.651.762.232</u>	<u>76.651.762.232</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương

Mẫu số: 03b – DNN

Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu:642

Năm:2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<u>Số phát sinh</u>			
...		
PC 18/07	07/07	Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt	1111	2.315.400	
				
PC 23/07	13/07	Mua văn phòng phẩm	1111	1.012.500	
...		
PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911		1.158.954.569
		Cộng số phát sinh		1.158.954.569	1.158.954.569

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí hoạt động tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng do các khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

Công ty không phát sinh Chi phí hoạt động tài chính.

a. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có và các chứng từ khác có liên quan

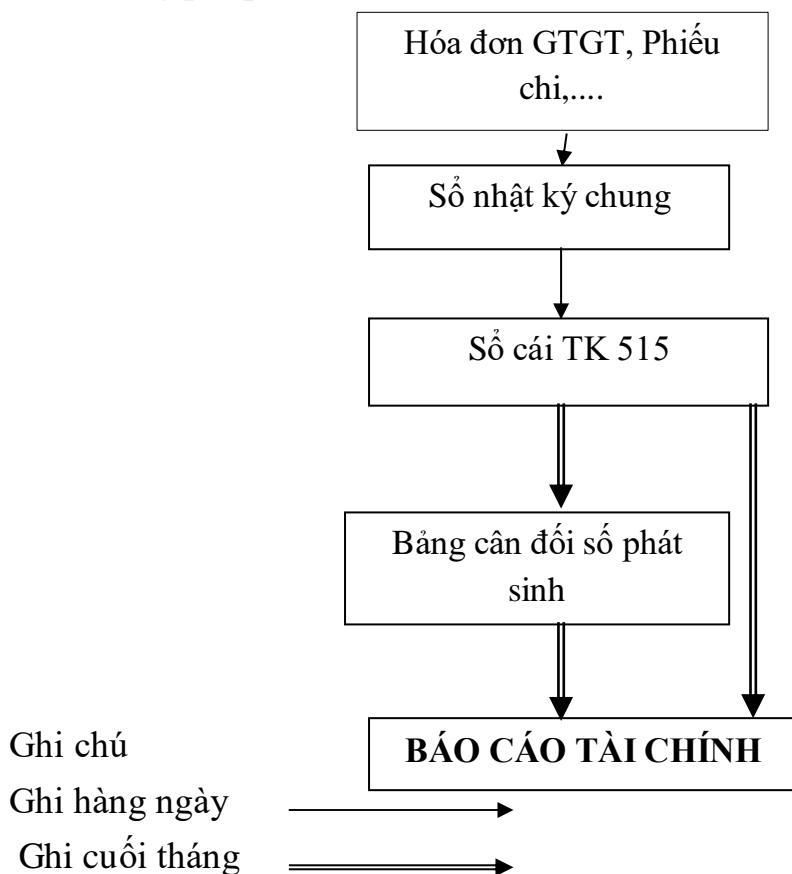
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Ví dụ 04: Ngày 25/07/2017 nhận được lãi tiền gửi ngân hàng tháng 7 năm 2017 số tiền là 625.450

Căn cứ vào giấy báo có(biểu số 21) kê toán định khoản và ghi vào sổ Nhật kí chung(biểu số 23)

Nợ TK 112: 625.450

Có TK 515: 625.450

Biểu số 2.13: Giấy báo có



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/07/2017

Mã GDV: NTH

SỐ GD: 00206

Giờ:10:26:21

Kính gửi Công ty TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ DU LỊCH HƯỚNG DƯƠNG

Mã số thuế : 0201004290

Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 100646890

Số tiền bằng số: 625.450

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.14 : Nhật ký chung

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
		...			
PC 18/07	07/07	Trả tiền điện thoại	642	2.315.400	
			133	231.540	
			111		2.546.940
		..			
GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112	625.450	
			515		625.450
		..			
HĐ982 PT805	04/12	Công ty Tuần Tú thanh toán	111	9.900.000	
			511		9.000.000
			3331		900.000
		...			
HĐ995	15/12	Phải thu công ty Lưu Gia	131	10.500.000	
			511		9.545.455
			3331		954.545
		...			
PKT 27	31/12	Giá vốn năm 2017	632	8.097.504.913	
			154		8.097.504.913
		...			
		Cộng phát sinh		76.651.762.232	76.651.762.232

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15 : Sổ cái TK 515

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số: 03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm:2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<u>Số phát sinh</u>			
		...			
GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112		625.450
		...			
GBC	25/8	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112		112.413
		...			
GBC	25/9	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112		45.271
GBC	25/10	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112		110.282
		...			
PKT 32	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	911	2.983.241	
		Cộng số phát sinh		2.983.241	2.983.241

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4: Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH**Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương**

Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

a. Chứng từ sử dụng

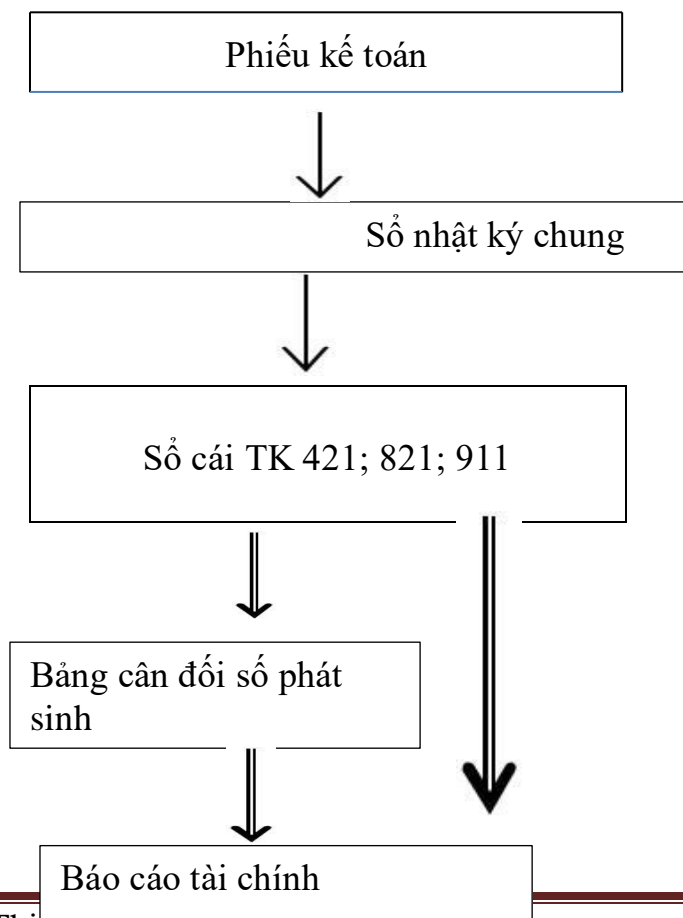
- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

c. Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 421; 821; 911

d. Phương pháp hạch toán

Ngày 31/12/2017 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán

Từ phiếu kế toán kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung

Biểu số 2.16: Phiếu kế toán số 31

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	9.862.965.758
	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	2.983.241
		Cộng			9.865.948.999

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán số 32

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.097.504.913
	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.158.954.569
		Cộng			9.256.459.482

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán số 33

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Xác định TNDN	821	333	121.897.903
		Cộng			121.897.903

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán số 34

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Kết chuyển TNDN	911	821	121.897.903
		Cộng			121.897.903

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán số 35

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	487.591.714
		Cộng			487.591.714

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21: Nhật ký chung

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số: 03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
		...			
PC 18/07	07/07	Trả tiền điện thoại	642	2.315.400	
			133	231.540	
			111		2.546.940
		..			
PKT31	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	9.862.965.758	
			515	2.983.241	
			911		9.865.948.999
PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí	911	9.256.459.482	
			632		8.097.504.913
			642		1.158.954.569
PKT33	31/12	Xác định thuế TNDN	821	121.897.903	
			333		121.897.903
PKT34	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	121.897.903	
	31/12		821		121.897.903
PKT 35	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	487.591.714	
			421		487.591.714
		<u>Cộng phát sinh</u>		<u>76.651.762.232</u>	<u>76.651.762.232</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22 : Sổ cái TK 911

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: 03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số phát sinh			
PKT31	31/12	Kết chuyển DTBH	511		9.862.965.758
PKT31	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		2.983.241
PKT32	31/12	Kết chuyển GVHB	632	8.097.504.913	
PKT32	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	1.158.954.569	
PKT34	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	121.897.903	
PKT35	31/12	Kết chuyển Ln sau thuế	421	487.591.714	
		Cộng số phát sinh		9.865.948.999	9.865.948.999

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 23: Sổ cái TK 421**Mẫu số S03b– DNN**Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-Btc
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			<u>128.562.536</u>
PKT35	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		487.591.714
		Cộng số phát sinh năm			487.591.714
		<u>Số dư cuối năm</u>			<u>616.154.250</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số : B02-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2017**

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MS	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.862.965.758	8.635.763.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần	10		9.862.965.758	8.635.763.916
4. Giá vốn hàng bán	11		8.097.504.913	7.034.545.791
5. Lợi nhuận gộp	20		1.765.460.845	1.601.218.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.983.241	2.201.018
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lí kinh doanh	24		1.158.954.569	912.835.520
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		609.489.517	690.583.623
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		609.489.517	690.583.623
14. Chi phí thuế TNDN	51		121.897.903	138.116.725
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		487.591.714	552.466.898

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT
TRIỂN DỊCH VỤ DU LỊCH HƯỚNG DƯƠNG****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí,
xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ
Du lịch Hướng Dương****3.1.1 Ưu điểm**

- **Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:** cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có sự nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Công ty luôn hạn chế xảy ra các sai phạm trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê.

- **Chứng từ kế toán:** Các chứng từ sử dụng trong hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự chòng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

- **Sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, đúng chế độ, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

- **Về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh
- Về tổ chức kế toán chi phí : Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lí luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lí nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.
- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tnhh phát triển dịch vụ du lịch hướng dương cũng vẫn tồn tại nhiều điểm hạn chế.

+ **Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:** Trong quá trình tiêu thụ công ty không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

+ **Về sổ sách kế toán sử dụng:** Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài. Công ty đã không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp chưa thật sự hiệu quả.

+ **Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:** Công tác kế toán tại công ty vẫn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống. Tuy đã ứng dụng

công nghệ thông tin vào công tác kế toán nhưng mới chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Microsoft Office (Word, Excel,..) nên khối lượng công việc của các kế toán viên còn khá lớn, chưa giảm bớt được áp lực về thời gian, tính chính xác trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo tài chính.

3.2: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương

Ý kiến thứ 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

- *Chiết khấu thanh toán* là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

- *Lý do*: Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để kích thích khách hàng trả nợ sớm. Tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn trong thời gian dài.

- *Cách thức tiến hành*: Chiết khấu thanh toán là tính trên số tiền thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT). Không được ghi khoản chiết khấu thanh toán trên hóa đơn bán hàng để giảm giá. Đây là một khoản chi phí tài chính doanh nghiệp bán chấp nhận chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi để trả khoản chiết khấu thanh toán. Người mua lập phiếu thu để nhận khoản chiết khấu thanh toán được hưởng.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hiệu quả công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu cho khách hàng dựa trên:

- + Tỷ lệ lãi vay ngân hàng.
- + Thời gian thanh toán tiền hàng.
- + Tham khảo mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại.

Dựa theo mức lãi suất ngân hàng hiện hành em đề xuất mức chiết khấu trung bình là 10%/ năm --> mức chiết khấu 1 tháng là 0,83%/ tháng.

-Phương pháp hạch toán:

- + Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: (Nếu trừ luôn vào khoản phải thu)

Có TK 111, 112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Ý kiến thứ 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Việc công ty cũng không mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố chi phí nên gây khó khăn cho công tác quản trị chi phí. Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như:

- TK 6421 : Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Trong mỗi tài khoản cấp 2 lại mở chi tiết theo dõi theo các yếu tố chi phí

Như đối với TK 6422:

- TK 64221 : Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản trích theo lương)
- TK 64222: Chi phí vật liệu
- TK 64223: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
- TK 64224: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 64226: Chi phí dự phòng
- TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
- TK 64228 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Biểu số 3.1: Sổ chi phí quản lý kinh doanh.

Công ty TNHH PT DV Du lịch Hướng Dương
 Lê Hồng Phong - Đông Khê - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S18-DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2017

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						TK6421		TK6422		
						TK64211	TK64212	TK64221	...	TK64288
A	B	C	D	E	1	2	3		4	5
			Số phát sinh trong kỳ							
									
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK...							

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Ý kiến thứ 3: Áp dụng phần mềm kế toán.

Lý do: Công ty TNHH phát triển dịch vụ du lịch Hường Dương có sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách nhưng vẫn là phần mềm Word, Excel. Đó không phải là phần mềm kế toán chuyên dụng vậy nên việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện các phân hành kế toán vẫn tốn nhiều thời gian và nhân lực.

Mục tiêu: Lưu trữ tài liệu một cách hệ thống; Tiết kiệm thời gian và nhân lực trong công việc tổng hợp, đối chiếu, lập báo cáo; Kiểm soát, xử lý, cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, chính xác.

Cách thức tiến hành: Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, CYBER, ACOUTING, ADSOFT ... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp và uy tín để hỗ trợ cho công tác kế toán có hiệu qur cao nhất.

Phần mềm kế toán MISA: <http://www.misa.com.vn>

Đây là loại phần mềm quản lý kế toán thông dụng được nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ mới, giao diện dễ sử dụng cho phép nhà quản lý tùy chỉnh một cách dễ dàng. Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



Phần mềm kế toán Fast Accounting: <http://fast.com.vn>

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Luôn cập nhật các thông tin về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế. Đây là phần mềm kế toán có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả. Để biết thêm thông tin về phần mềm kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có vị trí và vai trò rất quan trọng trong quá trình kinh doanh tiêu thụ và công tác quản lý của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài khóa luận đã nêu những vấn đề cơ bản sau:

+ Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Du lịch Hướng Dương. Đồng thời sử dụng số liệu của năm 2017 để mô tả các ví dụ cụ thể.

+ Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Du lịch Hướng Dương: áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán; sổ chi tiết theo dõi chi phí; áp dụng phần mềm kế toán.

Mặc dù có sự nỗ lực của bản thân, sự tận tình giúp đỡ của các chị phòng kế toán Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương, sự hướng dẫn của thầy Nguyễn Văn Thụ nhưng do thời gian có hạn, những hạn chế về mặt kiến thức của bản thân nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Kính mong các Thầy, các Cô nhận xét và chỉ bảo để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy Nguyễn Văn Thụ và toàn thể nhân viên phòng kế toán công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Du lịch Hướng Dương đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 05 tháng 1 năm 2019

Sinh viên

NGUYỄN THỊ HẢI ÁNH

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
2. Thông tư 200/2014/QĐ (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
3. Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên mạng internet.